



PRODUCTS CATALOGUE

DOSAMEC.COM

GIỚI THIỆU

DOSAMEC là Công ty chuyên nhận sản xuất, gia công các loại ống gió và phụ kiện ống gió. Tham gia cung cấp và thi công lắp đặt hệ thống ống gió cho các công trình: Trung tâm thương mại, Bệnh viện, Nhà xưởng, Khách sạn, Biệt thự, Sau hơn 10 năm hình thành và phát triển, Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp DOSAMEC đã trở thành một trong những thương hiệu hàng đầu trong ngành công nghiệp Việt Nam.

Với phương châm : “Uy tín – Chất lượng là nền tảng” chúng tôi luôn sản xuất và cung cấp các loại ống gió và phụ kiện tốt nhất cho quý khách hàng. Cùng với mục tiêu phát triển bền vững và hợp tác lâu dài, chúng tôi luôn đem lại sự hài lòng cho các quý khách hàng của mình.

Tự tin với khả năng đáp ứng mọi yêu cầu thiết kế của khách hàng, DOSAMEC cam kết luôn cung cấp những sản phẩm và dịch vụ chất lượng với giá hết sức ưu đãi. Sự ủng hộ và tin tưởng của khách hàng luôn là nguồn cảm hứng lớn lao cho DOSAMEC trong quá trình phát triển và phục vụ.

Xin cảm ơn sự tin tưởng và ủng hộ của quý khách trong thời gian qua.

Trân trọng

NĂNG LỰC THIẾT BỊ



ỐNG GIÓ DOSAMEC

Các sản phẩm Ống gió và phụ kiện ống gió mang thương hiệu Dosamec, đều được thiết kế, sản xuất và cung cấp bởi **Công ty cổ phần công nghiệp DOSAMEC**, dựa trên tiêu chuẩn quốc tế về kỹ thuật chế tạo ống gió - SMACNA làm cơ sở. Do đó, ống gió Dosamec luôn tự tin đáp ứng tốt được mọi yêu cầu của các chủ đầu tư.

Vật liệu chính được sử dụng chế tạo ống gió là Tole mạ kẽm (GI) - Tole tráng kẽm, phù hợp với các tiêu chuẩn JIS-G3302, ASTM A653, ... với các độ dày vật liệu thông dụng: 0.48, 0.58, 0.75, 0.95, 1.15 mm.

Độ dày kẽm thông dụng: Z08 (80 gram kẽm/m²) - Z275 (275gram kẽm/m²).

MỤC LỤC

Phần I | Ống gió Vuông & Phụ kiện 03

Đặc điểm kỹ thuật & Tiêu chuẩn sản xuất	04
Ống gió Vuông	08
Côn thu Vuông	09
Côn thu Vuông - Tròn	10
Co - Vuông	11
Chữ T vuông - (Tee)	12
Chạc bốn	13
Z - Chuyển cao độ	14
Chân rẽ - Gót giày	15

Phần II | Ống gió Tròn & Phụ kiện 17

Đặc điểm kỹ thuật & Tiêu chuẩn sản xuất	18
Ống gió Tròn	22
Ống gió Tròn - xoắn	23
Côn thu Tròn	24
Co - Tròn	25
Chữ T tròn - (Tee)	26
Chữ Y tròn - Chạc 3	27
Z - Chuyển cao độ	28
Phụ kiện hướng dòng dàn nóng máy lạnh	29

Phần III | Ống gió CHÔNG CHÁY - EI 30

The image shows the interior of a large, modern building. The ceiling is a prominent feature, composed of a series of interconnected, angular, light-colored panels that create a complex, geometric pattern. The structure is supported by a network of dark, angular steel beams. Below the ceiling, the space is open and bright, with large windows on the right side that offer a view of greenery outside. The floor is a smooth, light-colored surface. On the left, there is a balcony or walkway with a glass railing. The overall atmosphere is one of modern architectural design and spaciousness.

Phần I

ỐNG GIÓ VUÔNG & PHỤ KIỆN

ỐNG GIÓ VUÔNG & PHỤ KIỆN



1. PHÂN LOẠI ỐNG GIÓ VUÔNG THEO ÁP SUẤT

Loại ống gió	Áp suất tĩnh		Vận tốc gió tối đa
	Áp suất dương (+)	Áp suất âm (-)	
Thấp áp, loại A	500 Pa	500 Pa	10 m/s
Thấp áp, loại B	1500 Pa	750 Pa	20 m/s
Cao áp, loại C	2000 Pa	750 Pa	40 m/s

2. GIỚI HẠN ĐỘ RÒ RỈ

Áp suất tĩnh (Pa)	Giới hạn tối đa (l/s/m ² bề mặt ống gió)		
	Thấp áp, loại A	Trung áp, loại B	Cao áp, loại C
100	0.54	0.18	
200	0.84	0.28	
300	1.1	0.37	
400	1.32	0.44	
500	1.53	0.51	
600		0.58	0.18
700		0.64	0.21
800		0.69	0.23
900		0.75	0.25
1000		0.80	0.27
1100			0.27
1200			0.30
1300			0.32
1400			0.33
1500			0.35
1600			0.36
1700			0.38
1800			0.39
1900			0.40
2000			0.42

3. ĐỘ DÀY TOLE TIÊU CHUẨN

Theo SMACNA

Kích thước ống (mm)	Áp lực ống (Pa)						
	Độ dày tối thiểu của vật liệu chế tạo (mm)						
	125 Pa	250 Pa	500 Pa	750 Pa	1000 Pa	1500 Pa	2500 Pa
<200	0.55	0.55	0.55	0.55	0.55	0.55	0.55
230 - 300	0.55	0.55	0.55	0.55	0.55	0.70	0.70
301 - 350	0.55	0.55	0.55	0.55	0.55	0.70	0.85
351 - 400	0.55	0.55	0.55	0.55	0.55	0.70	1.00
401 - 450	0.55	0.55	0.55	0.55	0.55	0.70	1.00
451 - 500	0.55	0.55	0.55	0.70	0.70	0.70	1.00
501 - 550	0.55	0.55	0.55	0.70	0.70	0.85	1.00
551 - 600	0.55	0.55	0.55	0.70	0.70	0.85	1.00
							1.31
601 - 650	0.55	0.55	0.55	0.70	0.85	0.85	1.00
							1.31
651 - 700	0.55	0.55	0.55	0.70	0.85	1.00	1.00
							1.31
701 - 750	0.55	0.55	0.70	0.70	0.85	1.00	1.31
751 - 900	0.55	0.55	0.70	0.85	0.85	1.00	1.31
					1.00	1.31	
901 - 1000	0.55	0.70	0.85	0.85	1.00	1.31	1.31
				1.00	1.31		
1001 - 1200	0.55	0.70	0.85	1.00	1.31	1.31	1.61
			1.00				
1201 - 1300	0.70	0.85	1.00	1.31	1.31	1.61	1.61
1301 - 1500	0.70	0.85	1.00	1.31	1.31	1.61	-
1501 - 1800	0.85	0.85	1.00	1.31	1.61	-	-
1801 - 2100	0.85	1.00	1.00	1.61	-	-	-
	1.00	1.00					
2101 - 2400	0.85	1.31	1.31	1.61	-	-	-
2401 - 2700	1.31	1.31	1.61	-	-	-	-
2701 - 3000	1.61	1.61	-	-	-	-	-

* Bảng - tổng hợp độ dày tiêu chuẩn tối thiểu của vật liệu dùng để chế tạo ống gió, khổ tole 1.20 m (Tiêu chuẩn chế tạo ống gió SMACNA, trang 2.29 -2.41)

4. KÍCH THƯỚC TIÊU CHUẨN

Kích thước ống là kích thước mặt cắt ngang của ống, với tiết diện là hình vuông hoặc chữ nhật. Kích thước tiêu chuẩn của ống gió có bước là 50 mm. Tuy nhiên, có thể thiết kế theo yêu cầu thực tế, phù hợp với mỗi công trình.

Tỷ lệ thiết kế ống (W:H): hạn chế thiết kế vượt quá tỷ lệ 1:4 . Khi vượt quá tỷ lệ này, ma sát giữa luồng gió và thành ống sẽ tăng cao, tạo ra tiếng ồn lớn, giảm hiệu suất truyền tải gió.

5. CHIỀU DÀI ỐNG GIÓ TIÊU CHUẨN

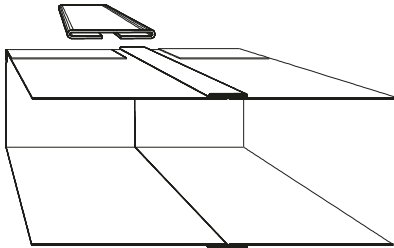
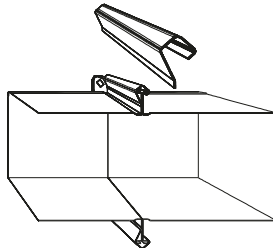
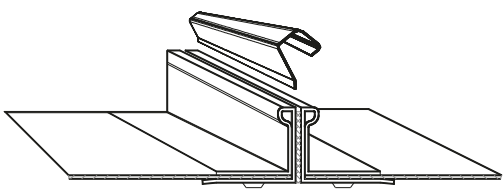
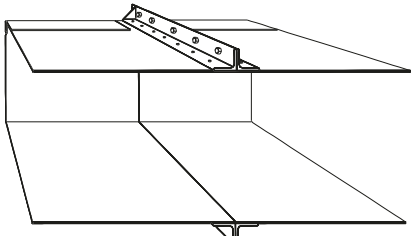
Chiều dài ống gió tiêu chuẩn (L) là chiều dài tối đa của khổ tole, tương ứng với từng loại mối ghép ngang.

STT	Mối ghép ngang	Chiều dài ống (mm)	Sai số (mm)	Ghi chú
1	Mối ghép TDC	1.110	+(-)5	Đối với tole khổ rộng 1200
1	Mối ghép TDF	1.200	+(-)5	Đối với tole khổ rộng 1200
1	Mối ghép nẹp C	1.180	+(-)5	Đối với tole khổ rộng 1200
1	Mối ghép bích V	1.180	+(-)5	Đối với tole khổ rộng 1200

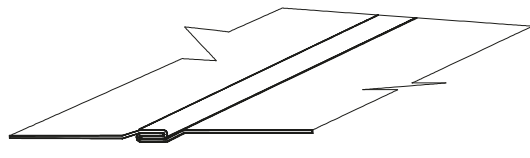
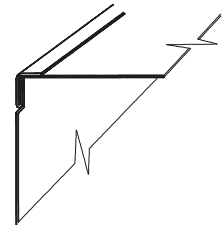
6. MỐI GHÉP NGANG

Mối ghép ngang: là mối nối dùng để ghép nối các đoạn ống riêng biệt với nhau hoặc với các phụ kiện Côn thu, Co, T, Y, Z chuyển cao độ, ... tạo thành hệ thống thông gió hoàn chỉnh.

* Các loại mối ghép ngang:

Tên mối ghép	Sơ đồ mối ghép	Áp suất tĩnh (Pa)	Ứng dụng
			Kích thước lớn nhất mặt cắt ngang (mm)
Mối ghép nẹp C		≤ 1000	* ≤ 600
Mối ghép nẹp TDC		≤ 2000	* ≤ 1600 đối với áp suất tĩnh thấp. * ≤ 1250 đối với áp suất tĩnh trung bình. * ≤ 1000 đối với áp suất tĩnh cao .
Mối ghép nẹp TDF		≤ 2500	* > 1500 đối với áp suất tĩnh thấp. * > 1000 đối với áp suất tĩnh trung bình. * > 500 đối với áp suất tĩnh cao .
Mối ghép bích V		≤ 2500	* > 1500 đối với áp suất tĩnh thấp. * > 1000 đối với áp suất tĩnh trung bình. * > 500 đối với áp suất tĩnh cao .

7. MỐI GHÉP DỌC

Tên mối ghép	Sơ đồ mối ghép	Áp suất tĩnh (Pa)	Ứng dụng
Mối ghép nối		≤ 2500	* Ghép nối thành tấm lớn
Mối ghép góc		≤ 2500	* Ghép Cạnh dọc

Ống gió Vuông

ỨNG DỤNG

- Dùng để truyền tải không khí trong hệ thống thông gió. Thường được áp dụng vào các công trình công nghiệp và dân dụng.

TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT

- Vật liệu: Tôn mạ kẽm, Inox, ...
Tiêu chuẩn: Được thiết kế và sản xuất theo tiêu chuẩn SMACNA.
- Độ dày vật liệu: Từ 0.48 - 1.15 mm, theo yêu cầu của khách hàng.
- Có gân tăng cứng hỗ trợ.
- Mỗi ghép nối có sẵn : sử dụng các loại mối ghép nẹp TDC, TDF, nẹp C, nẹp V.

TIÊU CHUẨN KHÁC

- Màu sắc: Cùng màu với màu vật liệu, hoặc sơn màu tĩnh điện theo yêu cầu.
- Bọc tiêu âm, cách nhiệt: theo yêu cầu.
- Tiêu chuẩn chống cháy: EI30 - EI120.

KÍCH THƯỚC CƠ BẢN

Ống gió vuông/ chữ nhật được sản xuất với một số kích thước như sau:

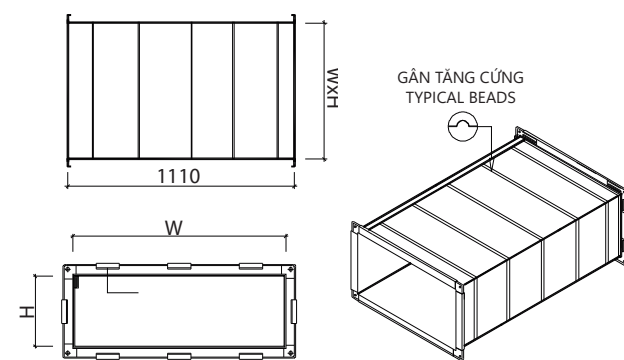
Kích thước (mm)			Kích thước (mm)		
W	H	L	W	H	L
100	100	-	800	800	-
150	150	-	850	850	-
200	200	-	900	900	-
250	250	-	950	950	-
300	300	-	1000	1000	-
350	350	-	1050	1050	-
400	400	-	1100	1100	-
450	450	-	1150	1150	-
500	500	-	1200	1200	-
550	550	-	1250	1250	-
600	600	-	1300	1300	-
650	650	-	1350	1350	-
700	700	-	1400	1400	-
750	750	-	1450	1450	-

Tiếp theo >

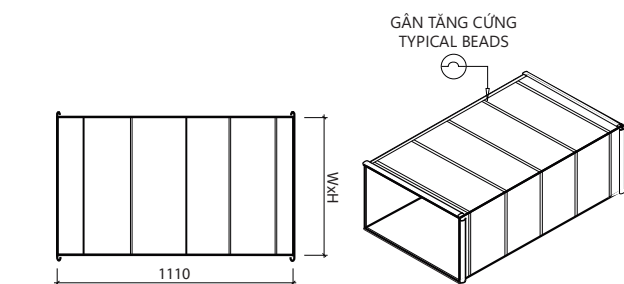
1500 1500



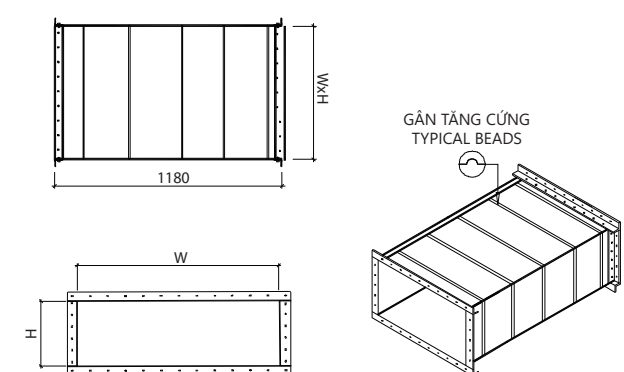
Ống gió Vuông Nẹp TDC/TDF



Ống gió Vuông Nẹp C



Ống gió Vuông nẹp Nẹp V



Côn thu Vuông

ỨNG DỤNG

- Được sử dụng để kết nối hai đường ống gió vuông/ chữ nhật có tiết diện khác nhau.

TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT

- Vật liệu: Tôn mạ kẽm, Inox, ...
Tiêu chuẩn: Được thiết kế và sản xuất theo tiêu chuẩn SMACNA.
- Độ dày vật liệu: Từ 0.48 - 1.15 mm, theo yêu cầu của khách hàng.
- Có gân tăng cứng hỗ trợ.
- Mỗi ghép nối có sẵn : sử dụng các loại mối ghép nẹp TDC, TDF, nẹp C, nẹp V.
- Việc giảm kích thước có thể bằng nhau và từ cả hai phía hoặc chỉ từ một phía.

TIÊU CHUẨN KHÁC

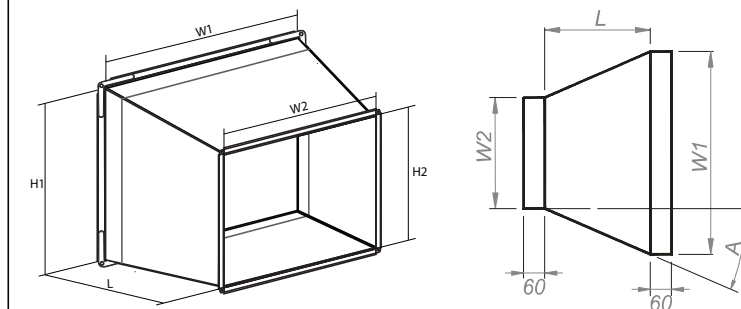
- Màu sắc: Cùng màu với màu vật liệu, hoặc sơn màu tĩnh điện theo yêu cầu.
- Bọc tiêu âm, cách nhiệt: theo yêu cầu.
- Tiêu chuẩn chống cháy: EI30 - EI120.

KÍCH THƯỚC CƠ BẢN

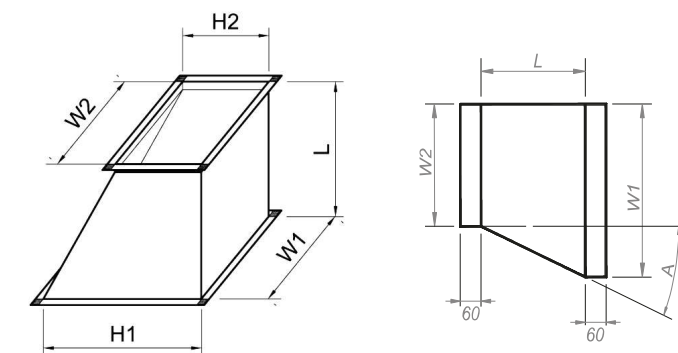
Côn thu ống gió vuông được sản xuất với một số kích thước như sau:

Kích thước (mm)			Kích thước (mm)		
W	H	L	W	H	L
100	100	150	800	800	850
150	150	200	850	850	900
200	200	250	900	900	980
250	250	300	950	950	1000
300	300	350	1000	1000	1050
350	350	400	1050	1050	1100
400	400	450	1100	1100	1150
450	450	500	1150	1150	1200
500	500	550	1200	1200	1220
550	550	600	1250	1250	-
600	600	650	1300	1300	-
650	650	700	1350	1350	-
700	700	750	1400	1400	-
750	750	800	1450	1450	-
			1500	1500	-

Tiếp theo >



Côn giảm đều (cân tâm)



Côn giảm lệch (lệch tâm)



Côn thu Vuông - Tròn

ỨNG DỤNG

- Được sử dụng để kết nối một đường ống gió vuông với một đường ống gió tròn khác.
- Côn thu vuông - tròn, cho phép thiết kế một hệ thống thông gió với các kích thước có thể thay đổi tự do và có thể có sự bù trừ theo cả hai hướng.

TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT

- Vật liệu: Tôn mạ kẽm, Inox, ...
Tiêu chuẩn: Được thiết kế và sản xuất theo tiêu chuẩn SMACNA.
- Độ dày vật liệu: Từ 0.48 - 1.15 mm, theo yêu cầu của khách hàng.
- Có gân tăng cứng hỗ trợ.
Mối ghép nối có sẵn: sử dụng các loại mối ghép nếp TDC, TDF, nếp C, nếp V.
- Việc giảm kích thước có thể bằng nhau và từ cả hai phía hoặc chỉ từ một phía.

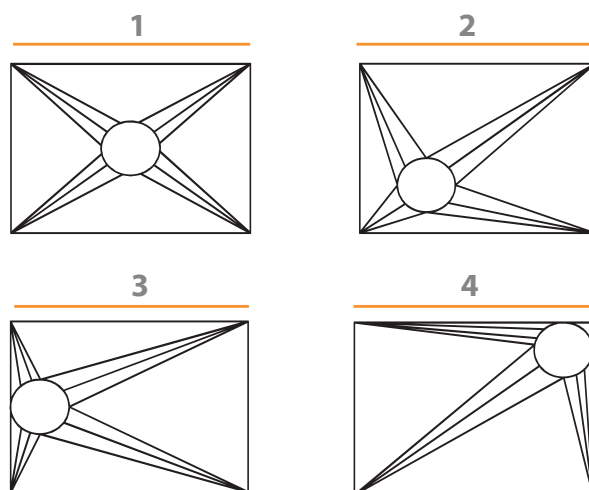
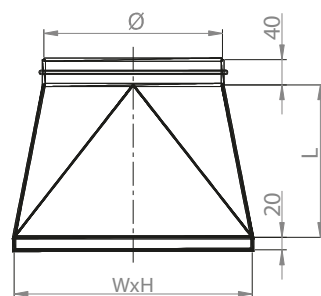
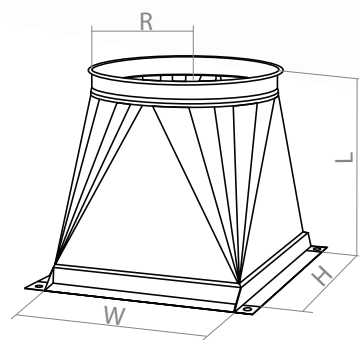
TIÊU CHUẨN KHÁC

- Màu sắc: Cùng màu với màu vật liệu, hoặc sơn màu tĩnh điện theo yêu cầu.
- Bọc tiêu âm, cách nhiệt: theo yêu cầu.
- Tiêu chuẩn chống cháy: EI30 - EI120.

KÍCH THƯỚC CƠ BẢN

Côn thu ống gió Vuông - Tròn được sản xuất với một số kích thước như sau:

Kích thước (mm)			Kích thước (mm)		
W	H	D	W	H	D
100	100	100	800	800	800
150	150	150	850	850	850
200	200	200	900	900	900
250	250	250	950	950	950
300	300	300	1000	1000	1000
350	350	350	1050	1050	1050
400	400	400	1100	1100	1100
450	450	450	1150	1150	1150
500	500	500	1200	1200	1200
550	550	550	1250	1250	1250
600	600	600	1300	1300	1300
650	650	650	1350	1350	1350
700	700	700	1400	1400	1400
750	750	750	1450	1450	1450
Tiếp theo >			1500	1500	1500



Quy cách sản phẩm

- * Kích thước: WxH / L / D
- WxH: Chiều rộng x Chiều cao
- L: Chiều dài
- D: Đường kính

Co Vuông

ỨNG DỤNG

- Được sử dụng để thay đổi, chuyển hướng đường ống gió trong hệ thống thông gió.
- Dùng để khớp các ống nối và các phụ kiện với nhau.

TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT

- Vật liệu: Tôn mạ kẽm, Inox, ...
- Tiêu chuẩn: Được thiết kế và sản xuất theo tiêu chuẩn SMACNA.
- Độ dày vật liệu: Từ 0.48 - 1.15 mm, theo yêu cầu của khách hàng.
- Có gân tăng cứng hỗ trợ.
- Mối ghép nối có sẵn: sử dụng các loại mối ghép nếp TDC, TDF, nếp C, nếp V.
- Góc chuyển hướng Co: 30°, 45°, 60°, 90°.
- Quy cách: Co bán kính nhỏ, Co bán kính lớn, Co chuyển kích thước.

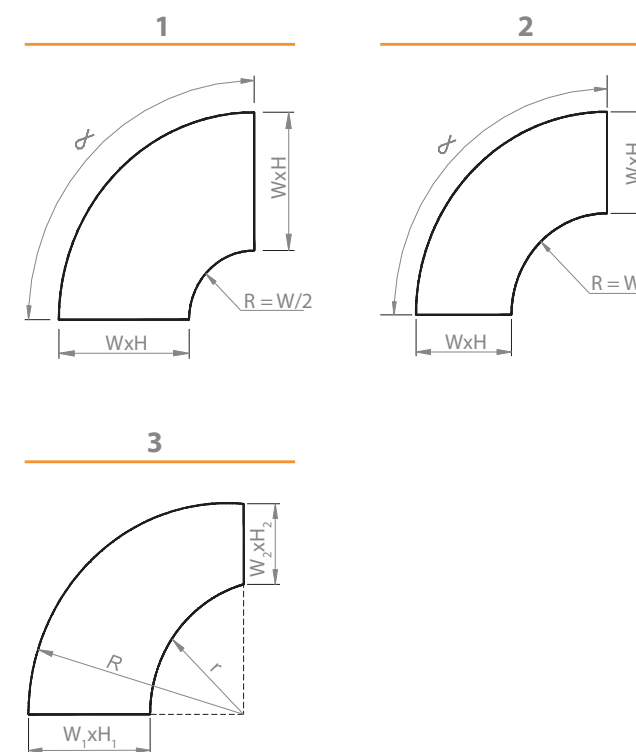
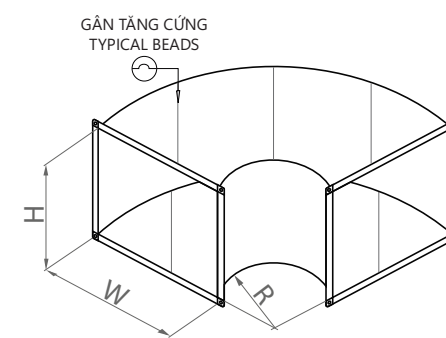
TIÊU CHUẨN KHÁC

- Màu sắc: Cùng màu với màu vật liệu, hoặc sơn màu tĩnh điện theo yêu cầu.
- Bọc tiêu âm, cách nhiệt: theo yêu cầu.
- Tiêu chuẩn chống cháy: EI30 - EI120.

KÍCH THƯỚC CƠ BẢN

Co ống gió vuông được sản xuất với một số kích thước có sẵn như sau:

Kích thước (mm)			Kích thước (mm)		
W	H	R	W	H	R
100	100	100	800	800	400
150	150	100	850	850	425
200	200	100	900	900	450
250	250	125	950	950	475
300	300	150	1000	1000	500
350	350	175	1050	1050	525
400	400	200	1100	1100	550
450	450	225	1150	1150	575
500	500	250	1200	1200	600
550	550	275	1250	1250	625
600	600	300	1300	1300	650
650	650	325	1350	1350	675
700	700	350	1400	1400	700
750	750	375	1450	1450	725
Tiếp theo >			1500	1500	750



Quy cách sản phẩm

- * Kích thước: W₁xH₁ / W₂xH₂ / R
- WxH: Chiều rộng x Chiều cao
- R: Bán kính
- * R_{min} = 100, α ≤ 90°

Chữ T Vuông

ỨNG DỤNG

- Được ứng dụng để chia tách hoặc gộp các đường ống gió vuông/ chữ nhật trong hệ thống thông gió.

TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT

- Vật liệu: Tôn mạ kẽm, Inox, ...
- Tiêu chuẩn: Được thiết kế và sản xuất theo tiêu chuẩn SMACNA.
- Độ dày vật liệu: Từ 0.48 - 1.15 mm, theo yêu cầu của khách hàng.
- Có gân tăng cứng hỗ trợ.
- Góc chuyển hướng: 90°.
- Mỗi ghép nối có sẵn : sử dụng các loại mối ghép nẹp TDC/TDF, nẹp C, nẹp V.
- Có nhiều kích cỡ và tiểu loại khác nhau.

TIÊU CHUẨN KHÁC

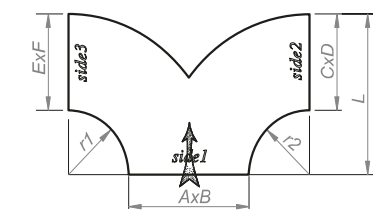
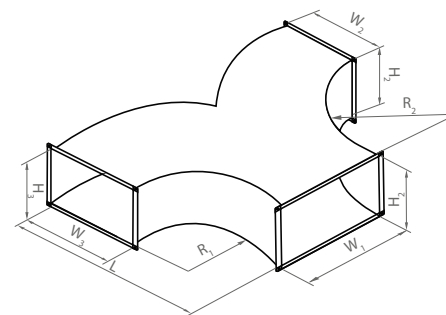
- Màu sắc: Cùng màu với màu vật liệu, hoặc sơn màu tĩnh điện theo yêu cầu.
- Bọc tiêu âm, cách nhiệt: theo yêu cầu.
- Tiêu chuẩn chống cháy: EI30 - EI120

KÍCH THƯỚC CÓ SẴN

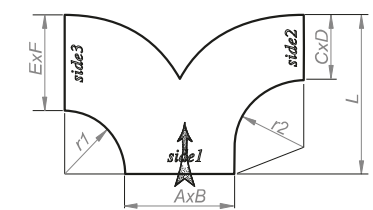
Chữ T ống gió vuông được sản xuất với một số kích thước có sẵn như sau:

Kích thước (mm)			Kích thước (mm)		
W	H	R	W	H	R
100	100		850	850	
150	150		900	900	
200	200		950	950	
250	250		1000	1000	
300	300		1050	1050	
350	350		1100	1100	
400	400		1150	1150	
450	450	R=W	1200	1200	R=W
500	500		1250	1250	
550	550		133	133	
600	600		1350	1350	
650	650		1400	1400	
700	700		1450	1450	
750	750		1500	1500	
800	800				

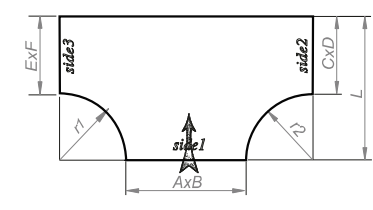
Tiếp theo >



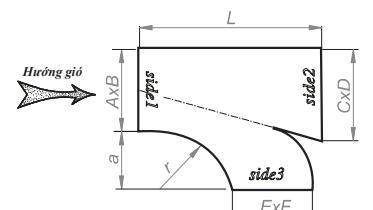
1



2



3



4

Quy cách sản phẩm

- * Kích thước: $W_1 \times H_1 / W_2 \times H_2 / W_3 \times H_3$, R_1, R_2, L
- $W \times H$: Chiều rộng x Chiều cao
- L : Chiều dài
- R : Bán kính

Chạc Bốn

ỨNG DỤNG

- Được ứng dụng để chia tách hoặc gộp các đường ống gió vuông/ chữ nhật trong hệ thống ống thông gió.

TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT

- Vật liệu: Tôn mạ kẽm, Inox, ...
- Tiêu chuẩn: Được thiết kế và sản xuất theo tiêu chuẩn SMACNA.
- Độ dày vật liệu: Từ 0.48 - 1.15 mm, theo yêu cầu của khách hàng.
- Có gân tăng cứng hỗ trợ.
- Góc chuyển hướng: 90°.
- Mỗi ghép nối có sẵn : sử dụng các loại mối ghép nẹp TDC/TDF, nẹp C, nẹp V.
- Có nhiều kích cỡ và tiểu loại khác nhau.

TIÊU CHUẨN KHÁC

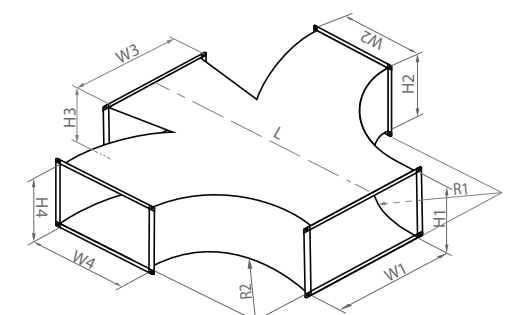
- Màu sắc: Cùng màu với màu vật liệu, hoặc sơn màu tĩnh điện theo yêu cầu.
- Bọc tiêu âm, cách nhiệt: theo yêu cầu.
- Tiêu chuẩn chống cháy: EI30 - EI120.

KÍCH THƯỚC CÓ SẴN

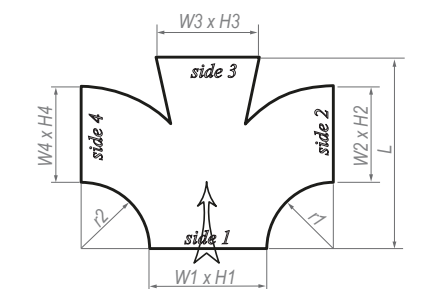
Z - Chuyển cao độ ống gió vuông được sản xuất với một số kích thước có sẵn như sau:

Dimension (mm)		Dimension (mm)	
W	H	W	H
100	100	750	750
150	150	850	850
200	200	950	950
250	250	1050	1050
300	300	1150	1150
350	350	1250	1250
400	400	1350	1350
500	500	1450	1450
600	600	1550	1550
650	650		

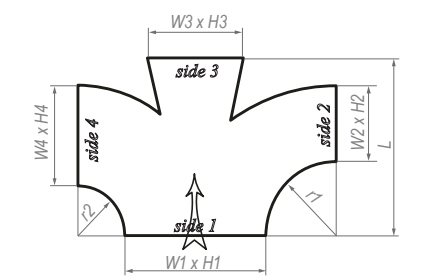
Tiếp theo >



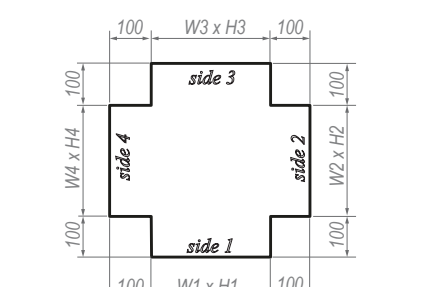
1



2



3



Quy cách sản phẩm

- * Kích thước: $W_1 \times H_1 / W_2 \times H_2 / W_3 \times H_3 / W_4 \times H_4$, L, R_1, R_2
- $W \times H$: Chiều rộng x Chiều cao
- L : Chiều dài
- r : Bán kính góc chuyển hướng.

Z - Chuyển Cao Độ

ỨNG DỤNG

- Được sử dụng khi các tuyến ống triển khai trên cùng mặt bằng cần tránh nhau. Hoặc trong các trường hợp đường ống gió cần vượt qua, các dầm, hay chuyển cốt trên mặt bằng xây dựng,...
- Còn được sử dụng để tránh các hệ thống ống khác như đường ống nước, ống cứu hỏa...

TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT

- Vật liệu: Tôn mạ kẽm, Inox, ...
- Tiêu chuẩn: Được thiết kế và sản xuất theo tiêu chuẩn SMACNA.
- Độ dày vật liệu: Từ 0.48 - 1.15 mm, theo yêu cầu của khách hàng.
- Có gân tăng cứng hỗ trợ.
- Mỗi ghép nối có sẵn : sử dụng các loại mối ghép nẹp TDC/TDF, nẹp C, nẹp V.
- Có nhiều kích cỡ và tiểu loại khác nhau.

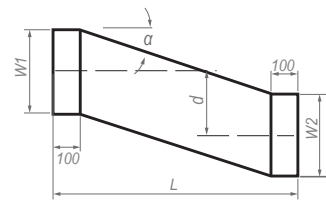
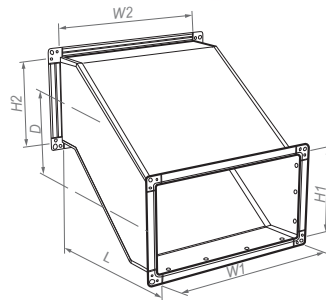
TIÊU CHUẨN KHÁC

- Màu sắc: Cùng màu với màu vật liệu, hoặc sơn màu tĩnh điện theo yêu cầu.
- Bọc tiêu âm, cách nhiệt: theo yêu cầu.
- Tiêu chuẩn chống cháy: EI30 - EI120.

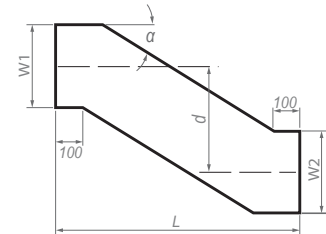
KÍCH THƯỚC CÓ SẴN

Z - Chuyển cao độ ống gió vuông được sản xuất với một số kích thước có sẵn như sau:

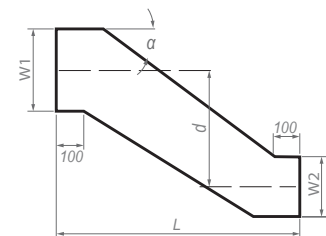
Kích thước (mm)			Độ lệch tâm (mm)
W1	W2	H	
100	100	100	50
150	150	150	100
200	200	200	150
250	250	250	200
300	300	300	250
350	350	350	300
400	400	400	350
450	450	450	400
500	500	500	450
550	550	550	500
600	600	600	
650	650	650	
700	700	700	
750	750	750	
800	800	800	
850	850	850	
900	900	900	
950	950	950	
1000	1000	1000	



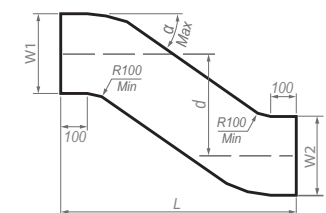
1



2



3



4

Quy cách sản phẩm

- * Kích thước: $W_1 \times H_1 / W_2 \times H_2$, L, d
- WxH: Chiều rộng x Chiều cao
- L: Chiều dài
- d: Độ lệch tâm (Deviation)

Chân Rẽ - Cột Giày

ỨNG DỤNG

- Thường được ứng dụng để mở nhánh cho các tuyến ống gió vuông và kết nối đường ống gió mềm.
- Ngoài ra, chúng còn được sử dụng khi cần tạo tuyến ống nhánh phụ tròn từ tuyến ống gió vuông chính.

TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT

- Vật liệu: Tôn mạ kẽm, Inox, ...
- Tiêu chuẩn: Được thiết kế và sản xuất theo tiêu chuẩn SMACNA.
- Độ dày vật liệu: Từ 0.48 - 1.15 mm, theo yêu cầu của khách hàng.
- Mối ghép nối có sẵn : phần miệng được bẻ chân để bắn vào tuyến ống cần trích.
- Có nhiều kích cỡ và tiểu loại khác nhau.

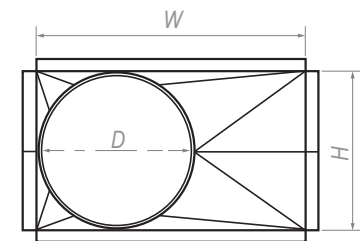
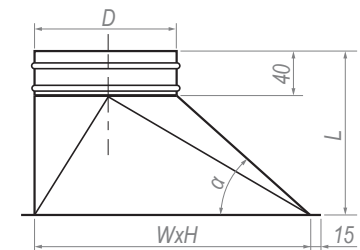
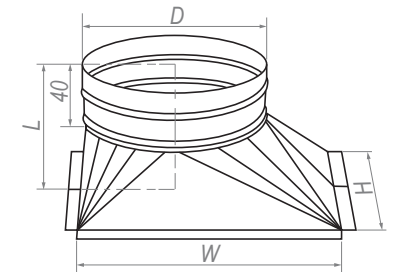
TIÊU CHUẨN KHÁC

- Màu sắc: Cùng màu với màu vật liệu, hoặc sơn màu tĩnh điện theo yêu cầu.
- Bọc tiêu âm, cách nhiệt: theo yêu cầu.
- Tiêu chuẩn chống cháy: EI30 - EI120.

KÍCH THƯỚC CÓ SẴN

Chân rẽ ống gió vuông - tròn được sản xuất với một số kích thước có sẵn như sau:

Kích thước (mm)			
W1	H	L	D
100	100	150	
150	100	150	
150	150	150	
200	150	200	
200	200	200	
250	200	250	
250	250	250	
300	250	250	D=H
300	300	300	
350	300	300	
350	300	350	
350	350	350	
400	300	350	
400	300	400	
400	400	400	



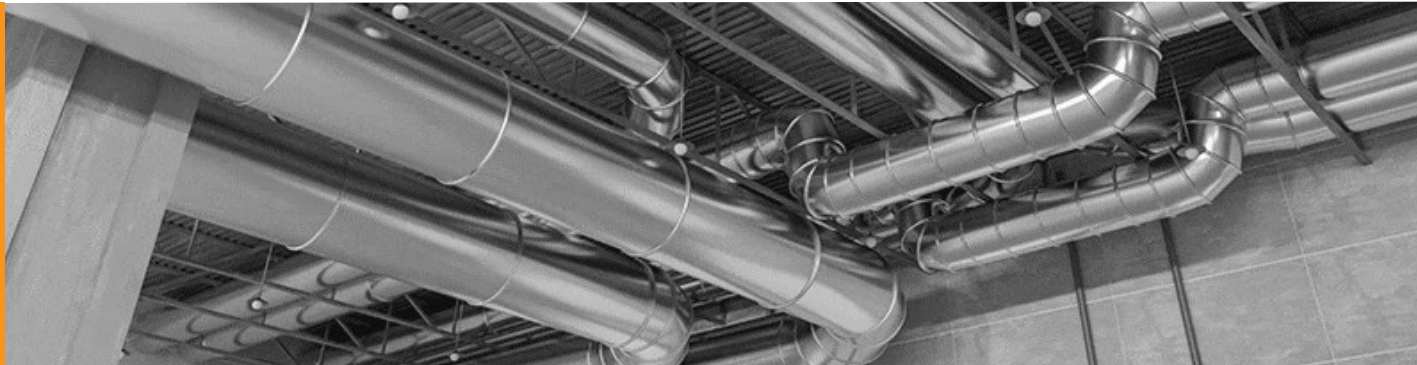
Quy cách sản phẩm

- * Kích thước: WxH, L, D
- WxH: Chiều rộng x Chiều cao
- L: Chiều dài
- D: Đường kính cổ trích
- $\alpha \geq 45^\circ$



Phần II

ỐNG GIÓ TRÒN & PHỤ KIỆN



1. KÍCH THƯỚC VÀ ĐỘ DÀY TIÊU CHUẨN

Theo tiêu chuẩn SMACNA

Đường kính danh nghĩa (mm)	Độ dày vật liệu chế tạo (mm)		
	Áp suất thấp và trung bình	Áp suất cao	
90	0.58	0.75	
100			
125			
150			
160			
200			
250	0.75		
300			
350			
400			
450			
500			
550			
600			
650			
700			
750			
800			
850	0.95	0.95	
900			
950			
1000			
1100	1.15		1.15
1200			
1300			
1400			
1500			

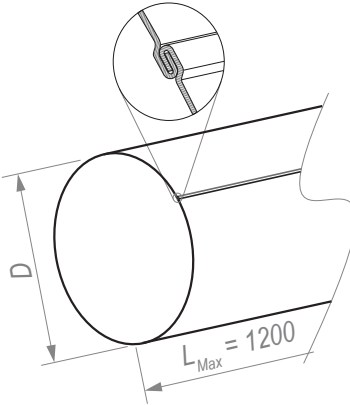
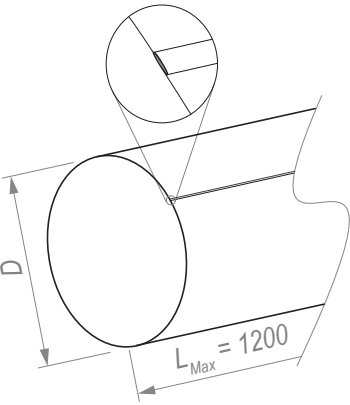
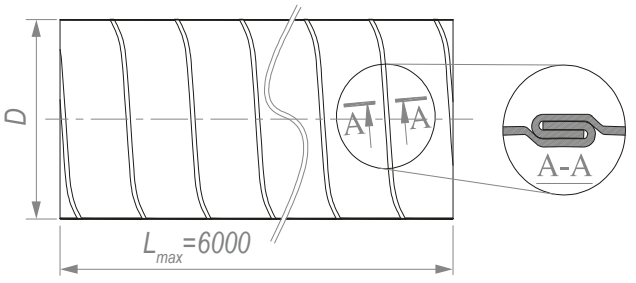
Theo tiêu chuẩn DW/144

Đường kính danh nghĩa (mm)	Độ dày vật liệu chế tạo (mm)	
	Áp suất thấp và trung bình	Áp suất cao
90	0.48	0.58
100		
125		
150		
160		
200	0.58	0.75
250		
300		
350	0.75	0.95
400		
450		
500		
550		
600		
650		
700		
750		
800	0.95	1.15
850		
900		
950		
1000	1.15	
1100		
1200		
1300		
1400		
1500		

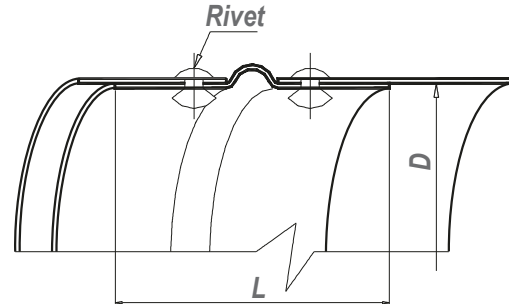
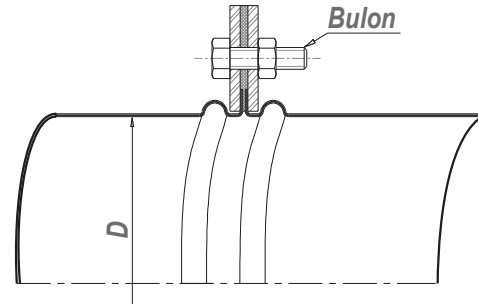
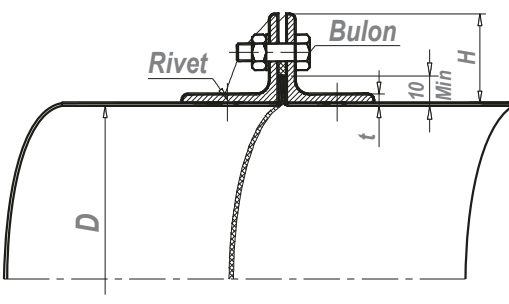
* Độ dày tole và đường kính ống có thể thay đổi sao cho phù hợp với công trình, hoặc theo yêu cầu của khách hàng.

* Đường kính danh nghĩa phụ thuộc vào kích thước khuôn của nhà sản xuất đang có.

* Các loại mối ghép dọc ống gió tròn

Tên mối ghép	Sơ đồ ghép	Ứng dụng
Mối ghép tán		* Ghép cạnh dọc
Mối ghép hàn		* Ghép cạnh dọc
Mối ghép ống xoắn		* Dùng trong sản xuất ống tròn xoắn

* Các loại mối ghép ngang ống gió tròn

Tên mối ghép	Sơ đồ ghép	Giới hạn ứng dụng		Ghi chú	Loại ống tròn
		Đường kính tối đa	Loại áp suất		
Mối ghép Màng - xông		800	* Thấp * Trung bình * Cao	* L=60 khi D≤160 * L=80 khi D≤315 * L=100 khi D>315	* Tròn xoắn * Tròn trơn
Mối ghép bích		1500	* Thấp * Trung bình * Cao	* D<60, W=25x2.5 * D<1020, W=30x2.8 * D<1525, W=40x3.8	* Tròn trơn
Mối ghép thép góc		1600	* Thấp * Trung bình * Cao	Kích thước thép góc Hxt cho các đường kính: * 25x3.5 khi D≤762 * 30x2.8 khi D≤1020 * 40x3.8 khi D≤1525	* Tròn trơn

* Kích thước ghi trong bảng được tính bằng mm.
 * Khoảng cách giữa các Rivet - Đinh tán tối đa = 150mm.
 * Khoảng cách giữa các Bulon của các mối ghép thép góc tối đa = 300mm.
 * Mối ghép bích và thép góc chỉ sử dụng cho ống hút bụi, ống hút khói có độ dày vật liệu chế tạo > 1.6mm

Ống gió Tròn

ỨNG DỤNG

- Dùng để truyền tải không khí trong hệ thống thông gió. Thường được áp dụng vào các công trình công nghiệp và dân dụng.

TIÊU CHUẨN SẢN SUẤT

- Vật liệu: Tôn mạ kẽm, Inox, ...
- Tiêu chuẩn: Được thiết kế và sản xuất theo tiêu chuẩn SMACNA/DW-144.
- Độ dày vật liệu: Từ 0.48 - 1.15 mm, hoặc theo yêu cầu của khách hàng.
- Mỗi ghép nối có sẵn ống: nối Măng-xông
- Có gân tăng cứng hỗ trợ ở 2 đầu miệng ống.

TIÊU CHUẨN KHÁC

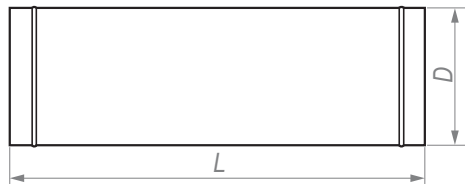
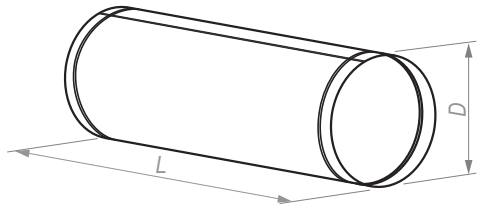
- Màu sắc: Cùng màu với màu vật liệu, hoặc sơn màu tĩnh điện theo yêu cầu.
- Bọc tiêu âm, cách nhiệt: theo yêu cầu.
- Tiêu chuẩn chống cháy.

KÍCH THƯỚC CÓ SẴN

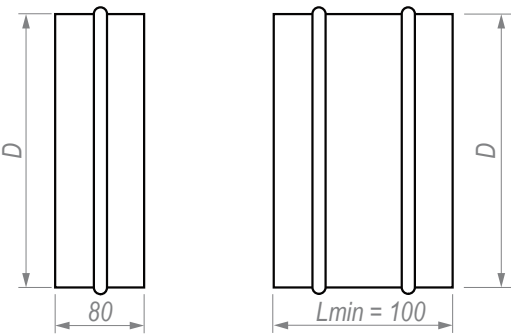
Ống gió tròn trơn được sản xuất với một số kích thước như sau:

Kích thước (mm)		Kích thước (mm)	
D	L	D	L
100	L max = 1200	800	L max = 1200
150		850	
200		900	
250		950	
300		1000	
350		1100	
400		1200	
450		1300	
500		1400	
550		1500	
600			
650			
700			
750			

Tiếp theo >



Ống gió tròn trơn



Măng - xông kết nối

Quy cách sản phẩm

- * Kích thước: D, L
- L: Chiều dài
- D: Đường kính

Ống gió Tròn - Xoắn

ỨNG DỤNG

- Được sử dụng để truyền tải không khí trong hệ thống thông gió. Thường được áp dụng vào trong các công trình công nghiệp & dân dụng.

TIÊU CHUẨN SẢN SUẤT

- Vật liệu: Tôn mạ kẽm, Inox, ...
- Tiêu chuẩn: Được thiết kế và sản xuất theo tiêu chuẩn SMACNA, TW/144.
- Độ dày vật liệu: Từ 0.48 - 1.15 mm, theo yêu cầu của khách hàng.
- Các đường xoắn được tạo bằng mối hàn nối, mối hàn điểm hoặc mối hàn khâu.
- Mỗi ghép nối có sẵn : Măng - xông.

TIÊU CHUẨN KHÁC

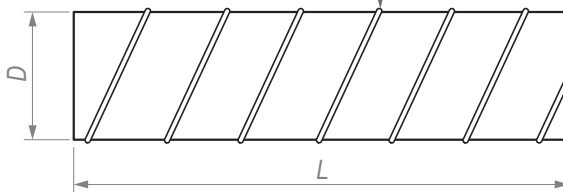
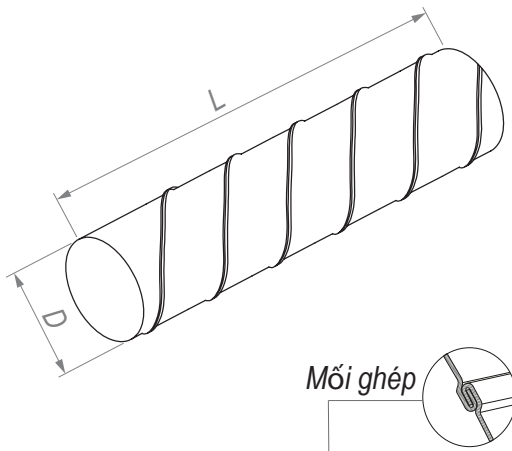
- Màu sắc: Cùng màu với màu vật liệu, hoặc sơn màu tĩnh điện theo yêu cầu.
- Bọc tiêu âm, cách nhiệt: theo yêu cầu.
- Tiêu chuẩn chống cháy.

KÍCH THƯỚC CÓ SẴN

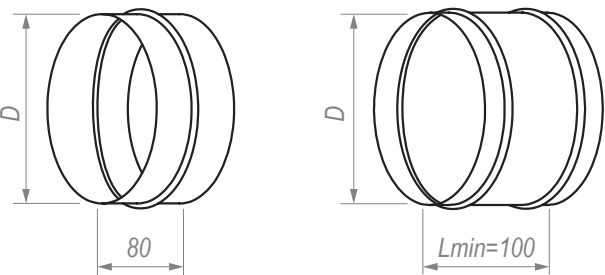
Ống gió tròn xoắn được sản xuất với một số kích thước có sẵn như sau:

Kích thước (mm)		Kích thước (mm)	
D	L	D	L
100	Lmax = 6000	1300	Lmax = 6000
150		1400	
200		1500	
250		1600	
300		1700	
350		1800	
400		1900	
450		2000	
500		2100	
550		2200	
600		2300	
65		2400	
700			
750			
800			
850			
900			
950			
1000			
1100			
1200			

Tiếp theo >



Ống gió tròn xoắn



Măng - xông kết nối

Quy cách sản phẩm

- * Kích thước: D, L
- L: Chiều dài
- D: Đường kính

Côn thu Tròn

ỨNG DỤNG

- Được sử dụng để kết nối hai đường ống gió tròn có tiết diện (đường kính) khác nhau.
- Ngoài ra còn được sử dụng với mục đích thay đổi lưu lượng, áp suất để truyền dẫn luồng không khí đến những vị trí xa hơn trên hệ thống ống gió.

TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT

- Vật liệu: Tôn mạ kẽm, Inox, ...
- Tiêu chuẩn: Được thiết kế và sản xuất theo tiêu chuẩn SMACNA, DW/144.
- Độ dày vật liệu: Từ 0.48 - 1.15 mm, hoặc theo yêu cầu của khách hàng.
- Có gân tăng cứng hỗ trợ ở 2 đầu miệng ống.
- Mỗi ghép nối có sẵn : Màng - xông, hoặc bích V.
- Việc giảm kích thước có thể được thực hiện đều từ hai bên (cân tâm), hoặc từ một bên (lệch tâm).

TIÊU CHUẨN KHÁC

- Màu sắc: Cùng màu với màu vật liệu, hoặc sơn màu tĩnh điện theo yêu cầu.
- Bọc tiêu âm, cách nhiệt: theo yêu cầu.
- Tiêu chuẩn chống cháy.

KÍCH THƯỚC CÓ SẴN

Côn thu ống gió tròn được sản xuất với một số kích thước có sẵn như sau:

Kích thước (mm)			Kích thước (mm)		
D1	D2	L	D1	D2	L
125	100	150	750	700	850
150	125	200	800	750	900
180	150	250	900	800	950
200	180	300	1000	900	1000
250	200	350	1100	1000	1050
300	250	400	1250	1100	1100
350	300	450	1400	1250	1150
400	350	500	1600	1400	1200
450	400	550			
500	450	600			
550	500	650			
600	550	700			
650	600	750			
700	650	800			

Tiếp theo >

Co Tròn

ỨNG DỤNG

- Được sử dụng để thay đổi, chuyển hướng đường ống gió tròn trong hệ thống thông gió.
- Dùng để khớp các ống nối và các phụ kiện với nhau.

TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT

- Vật liệu: Tôn mạ kẽm, Inox, ...
- Tiêu chuẩn: Được thiết kế và sản xuất theo tiêu chuẩn SMACNA, TW-144
- Độ dày vật liệu: Từ 0.48 - 1.15 mm, hoặc theo yêu cầu của khách hàng.
- Có gân tăng cứng hỗ trợ ở 2 đầu miệng ống .
- Mỗi ghép nối có sẵn : Màng - xông, hoặc bích V.
- Góc chuyển hướng Co: 30°, 45°, 60°, 90°, ...

TIÊU CHUẨN KHÁC

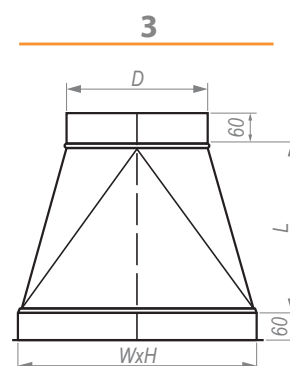
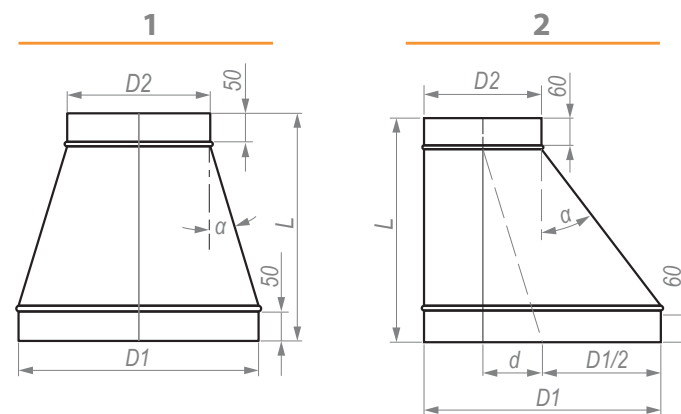
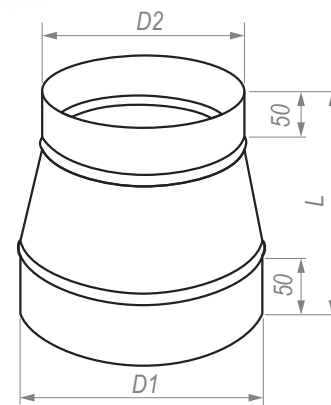
- Màu sắc: Cùng màu với màu vật liệu, hoặc sơn màu tĩnh điện theo yêu cầu.
- Bọc tiêu âm, cách nhiệt: theo yêu cầu.
- Tiêu chuẩn chống cháy.

KÍCH THƯỚC CÓ SẴN

Co ống gió tròn được sản xuất với một số kích thước có sẵn như sau:

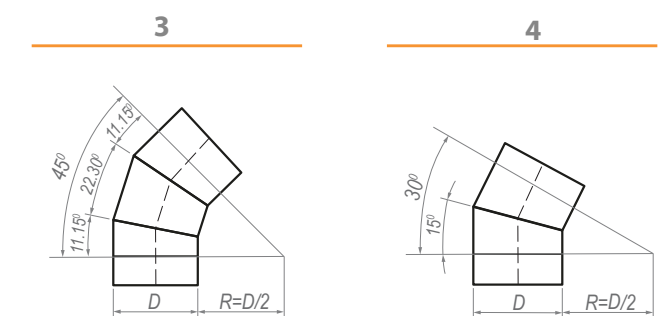
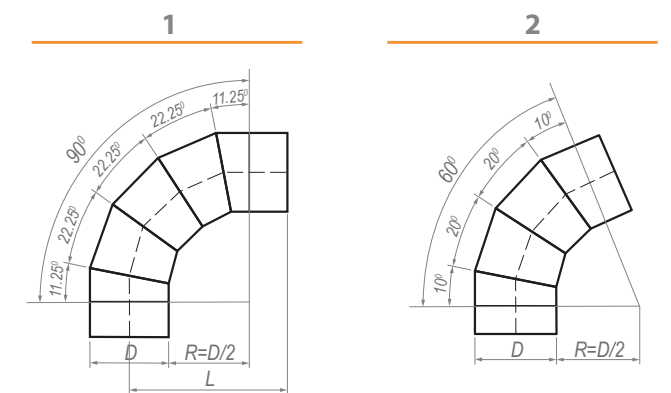
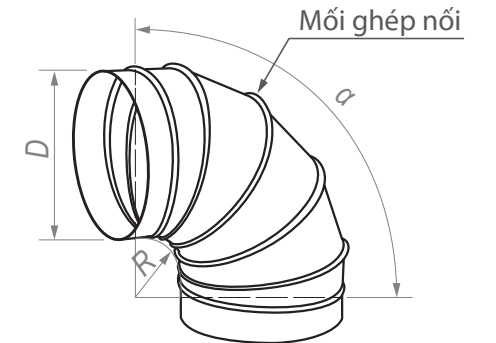
Kích thước (mm)		Kích thước (mm)	
D	R	D	R
90	100	750	375
100	100	800	400
150	100	850	425
200	100	900	450
250	125	950	475
300	150	1000	500
350	175	1100	550
400	200	1200	600
450	220	1300	650
500	250	1400	700
550	275	1500	750
600	300	1600	800
650	325		
700	350		

Tiếp theo >



Quy cách sản phẩm

- * Kích thước: D₁, D₂, L
- WxH: Chiều rộng x Chiều cao
- L: Chiều dài
- D: Đường kính



Quy cách sản phẩm

- * Kích thước: D, R, α
- D: Đường kính ống
- R: Bán kính; chuẩn R=D/2; R_{min} = 100
- α: Góc chuyển hướng co, α ≤ 90°

Chữ T Tròn

ỨNG DỤNG

- Được ứng dụng để chia tách, kết nối các đường ống gió tròn có kích thước giống hoặc khác nhau trong hệ thống ống gió.

TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT

- Vật liệu: Tôn mạ kẽm, Inox, ...
- Tiêu chuẩn: Được thiết kế và sản xuất theo tiêu chuẩn SMACNA, TW/144.
- Độ dày vật liệu: Từ 0.48 - 1.15 mm, theo yêu cầu của khách hàng.
- Có gân tăng cứng hỗ trợ ở đầu các miệng ống.
- Góc chuyển hướng: 90°.
- Mỗi ghép nối có sẵn : sử dụng Măng - xông, hoặc bích nối V.
- Có nhiều kích cỡ và tiểu loại khác nhau.

TIÊU CHUẨN KHÁC

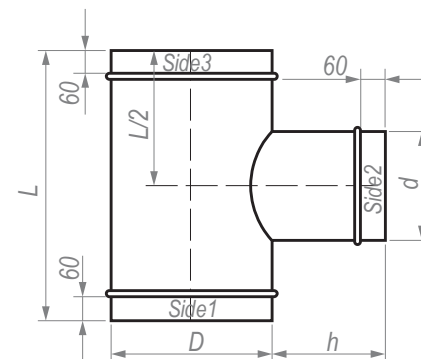
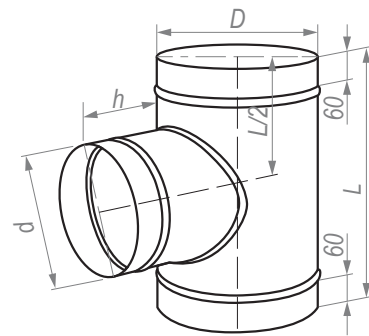
- Màu sắc: Cùng màu với màu vật liệu, hoặc sơn màu tĩnh điện theo yêu cầu.
- Bọc tiêu âm, cách nhiệt: theo yêu cầu.
- Tiêu chuẩn chống cháy.

KÍCH THƯỚC CÓ SẴN

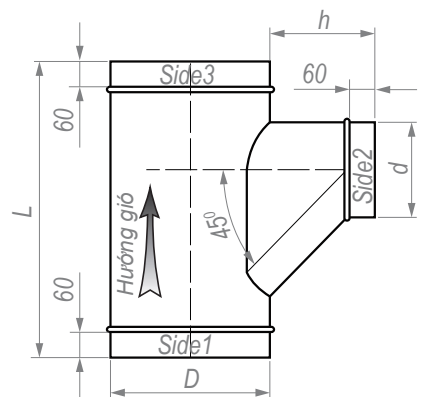
Chữ T ống gió tròn được sản xuất với một số kích thước có sẵn như sau:

Kích thước (mm)			Kích thước (mm)		
D	d	L	D	d	L
100	100	L=2d+120	850	850	L=2d+120
150	150		900	900	
200	200		950	950	
250	250		1000	1000	
300	300		1050	1050	
350	350		1100	1100	
400	400		1150	1150	
450	450		1200	1200	
500	500		1250	1250	
550	550		1300	1300	
600	600	L=2d+120	1350	1350	L=2d+120
650	650		1400	1400	
700	700		1450	1450	
750	750		1500	1500	
800	800				

Tiếp theo >



1



2

Quy cách sản phẩm

- * Kích thước: D, d
- D: Đường kính ống chính
- d: Đường kính ống nhánh
- L: Chiều dài

Chữ Y Tròn - Chạc 3

ỨNG DỤNG

- Được ứng dụng để chia tách hoặc gộp các đường ống gió vuông/ chữ nhật trong hệ thống ống thông gió.

TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT

- Vật liệu: Tôn mạ kẽm, Inox, ...
- Tiêu chuẩn: Được thiết kế và sản xuất theo tiêu chuẩn SMACNA, TW/144
- Độ dày vật liệu: Từ 0.48 - 1.15 mm, theo yêu cầu của khách hàng.
- Có gân tăng cứng hỗ trợ ở đầu các miệng ống.
- Góc chuyển hướng: 90°.
- Mỗi ghép nối có sẵn : sử dụng Măng - xông, hoặc bích nối V.
- Có nhiều kích cỡ và tiểu loại khác nhau.

TIÊU CHUẨN KHÁC

- Màu sắc: Cùng màu với màu vật liệu, hoặc sơn màu tĩnh điện theo yêu cầu.
- Bọc tiêu âm, cách nhiệt: theo yêu cầu.
- Tiêu chuẩn chống cháy.

Quy cách sản phẩm

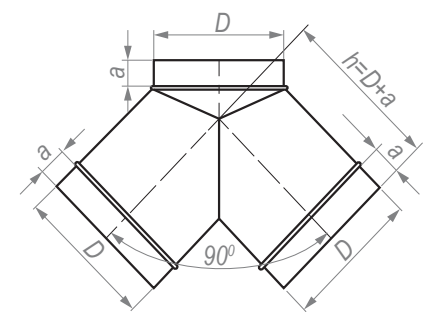
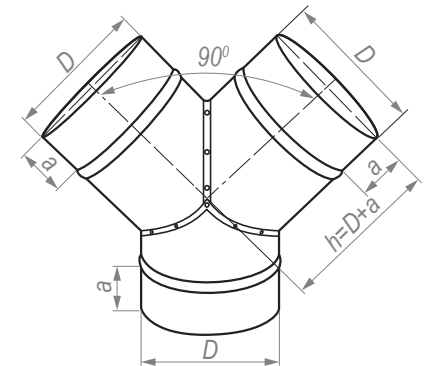
- * Kích thước: D, d, L
- D: Đường kính ống chính
- d: Đường kính ống nhánh
- L: Chiều dài chi tiết.
- * $15^\circ \leq \alpha \leq 90^\circ$, $a = 60$

KÍCH THƯỚC CÓ SẴN

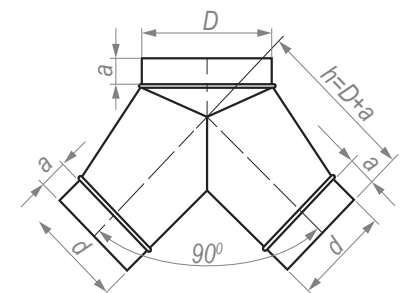
Chữ Y/ Chạc 3 ống gió tròn được sản xuất với một số kích thước có sẵn như sau:

Kích thước (mm)		Kích thước (mm)	
D	d	D	d
100	100	750	750
150	150	850	850
200	200	950	950
250	250	1000	1000
300	300	1100	1100
350	350	1200	1200
400	400	1300	1300
500	500	1400	1400
600	600	1500	1500
650	650		

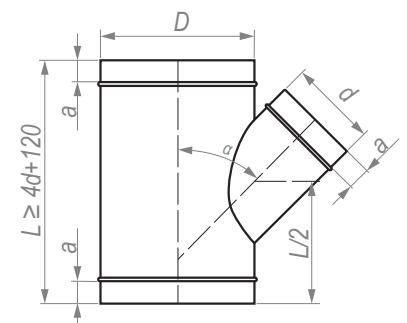
Tiếp theo >



1



2



3

Z - Chuyển Cao Độ

ỨNG DỤNG

- Được sử dụng khi các tuyến ống triển khai trên cùng mặt bằng cần tránh nhau. Hoặc trong các trường hợp đường ống gió cần vượt qua, các dầm, hay chuyển cốt trên mặt bằng xây dựng,...
- Còn được sử dụng để tránh các hệ thống ống khác như đường ống nước, ống cứu hỏa...

TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT

- Vật liệu: Tôn mạ kẽm, Inox, ...
- Tiêu chuẩn: Được thiết kế và sản xuất theo tiêu chuẩn SMACNA, TW/144.
- Độ dày vật liệu: Từ 0.48 - 1.15 mm, theo yêu cầu của khách hàng.
- Có gân tăng cứng hỗ trợ ở 2 đầu miệng ống.
- Mỗi ghép nối có sẵn : sử dụng Măng - xông, hoặc bích nối V.
- Có nhiều kích cỡ và tiểu loại khác nhau.

TIÊU CHUẨN KHÁC

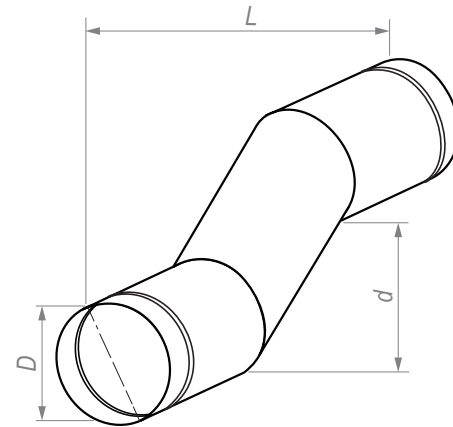
- Màu sắc: Cùng màu với màu vật liệu, hoặc sơn màu tĩnh điện theo yêu cầu.
- Bọc tiêu âm, cách nhiệt: theo yêu cầu.
- Tiêu chuẩn chống cháy.

KÍCH THƯỚC CÓ SẴN

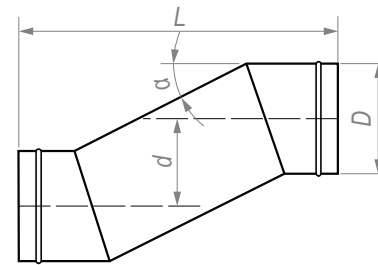
Z - Chuyển cao độ ống gió tròn được sản xuất với một số kích thước có sẵn như sau:

Kích thước			Kích thước		
D	L	d	D	L	d
100	300	50	1100	1350	
150	350	100	1150	1400	
200	400	150	1200	1450	
250	450	200	1250	1500	
300	500	250	1300	1550	
350	600	300	1350	1600	
400	650	350	1400	1650	
450	700	400	1450	1700	
500	750	450	1500	1750	
550	800	500			
600	850	550			
650	900	600			
700	950	650			
750	1000	700			
800	1050	750			
850	1100	800			
900	1150	850			
950	1200	900			
1000	1250	950			
1050	1300	1000			

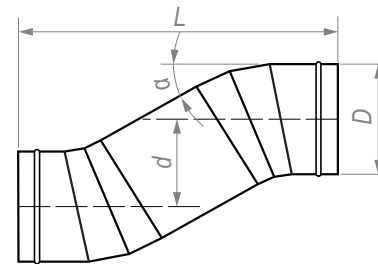
Tiếp theo >



1



2



Quy cách sản phẩm

- * Kích thước: D, L, d
- D: Đường kính ống
- L: Chiều dài chi tiết
- d: Độ lệch tâm (Deviation)

CÁNH HƯỚNG DÒNG DÀN NÓNG



ỨNG DỤNG

- Được sử dụng để thay đổi hướng gió thổi ra từ quạt của dàn nóng máy lạnh.
- Thường được lắp trực tiếp bên ngoài miệng quạt dàn nóng, khi các dàn nóng này buộc phải lắp đặt ở những không gian bị giới hạn về diện tích, hoặc lắp đặt ở nơi quá cao, ...

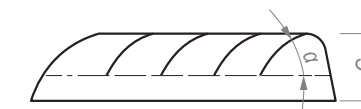
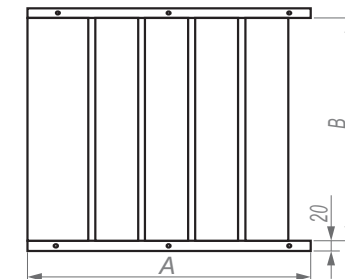
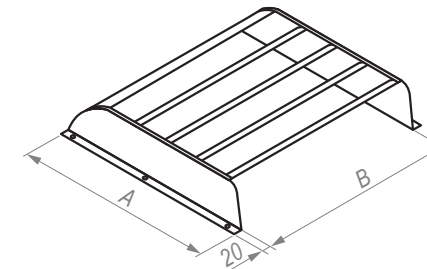
TIÊU CHUẨN SẢN XUẤT

Vật liệu: Tôn mạ kẽm,
Tiêu chuẩn: Được thiết kế và sản xuất theo tiêu chuẩn SMACNA.
Độ dày vật liệu: Từ 0.58 - 0.75 mm.
Kết cấu: Khung thân, lá nan hướng dòng.
Mối ghép nối: Mối hàn điểm, mí ghép, đinh vít.
Kích thước: Có nhiều kích cỡ khác nhau.
Màu sắc: Sơn màu tĩnh điện/ sơn chống gỉ.

KÍCH THƯỚC CÓ SẴN

Phụ kiện Cánh hướng dòng dàn nóng được sản xuất với một số kích thước có sẵn như sau:

Loại	Kích thước (mm)		
	A	B	C
14"	450	385	70
16"	489	468	90
18"	546	528	100
20s"	540	608	100
20"	600	608	100
23"	712	700	100



Quy cách sản phẩm

- * Kích thước: Ax B, C
- Ax B: Kích thước phủ bì khung lưới bảo vệ quạt dàn nóng.
- C: Chiều cao cánh hướng dòng.
- α : Góc nghiêng cánh, $45^\circ \leq \alpha \leq 50^\circ$

Phần III

ỐNG GIÓ CHỐNG CHÁY - EI



GIỚI THIỆU CHUNG

Ống gió chống cháy DOSAMEC được sản xuất theo yêu cầu riêng của từng dự án, đảm bảo khả năng chịu lửa và duy trì hoạt động của hệ thống hút khói, tăng áp trong điều kiện hỏa hoạn. Sản phẩm không áp dụng một cấu hình cố định, mà được thiết kế riêng theo từng dự án nhằm đảm bảo khả năng chịu nhiệt, độ kín khít và hạn chế cháy lan theo tiêu chuẩn phòng cháy chữa cháy hiện hành.

ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT

- Cách nhiệt – hạn chế truyền nhiệt sang khu vực lân cận.
- Giữ ổn định hình dạng ống trong điều kiện nhiệt độ cao.
- Ngăn rò rỉ khói và khí độc.
- Đảm bảo lưu thông không khí/ khói trong thời gian yêu cầu.

KHẢ NĂNG ĐÁP ỨNG

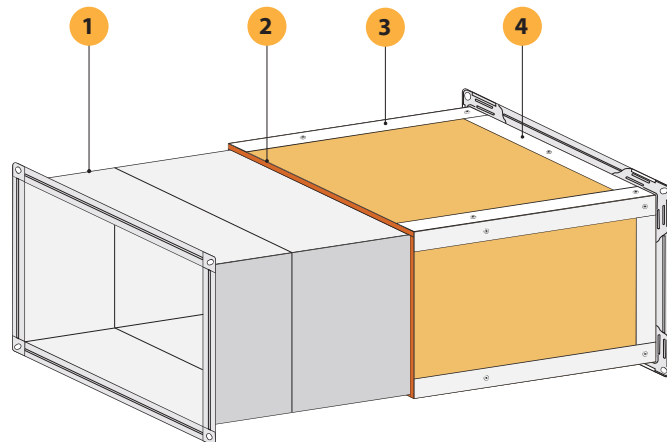
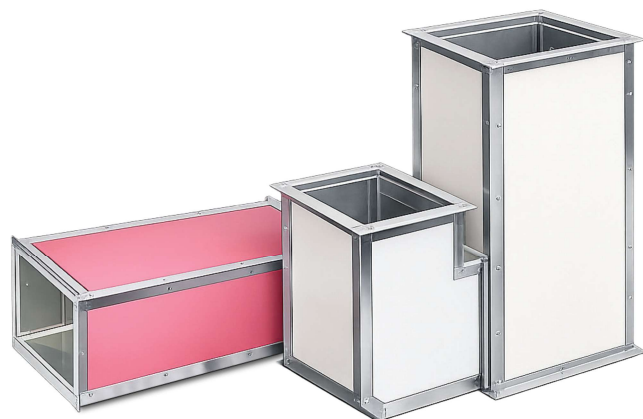
- Cấp chịu lửa: EI 30 / EI 45 / EI 60 / EI 90 / EI 120.
- Gia công theo tiêu chuẩn: TCVN, BS, ASTM, ISO....
- Ngăn rò rỉ khói và khí độc.
- Tùy chỉnh kích thước, độ dày, vật liệu theo từng hệ thống
- Phù hợp cho cả hệ hút khói và hệ tăng áp

QUY CÁCH CHẾ TẠO

Ống gió chống cháy được thiết kế theo cấu hình nhiều lớp, với các vật liệu được lựa chọn và kết hợp phù hợp theo từng cấp EI:

1. Lớp 1: Ống gió Tole mạ kẽm/ Inox, bích TDC/V, có độ dày ≥ 0.75 mm.
2. Lớp 2: Tấm bọc chống cháy loại thạch cao hoặc MGO, phù hợp với từng cấp EI30, EI45, EI60, EI90, EI120.
3. Ốp góc: nẹp V40x40, tole dày 0.75mm
4. Ốp đầu ống: nẹp La 40, tole dày 0.75mm

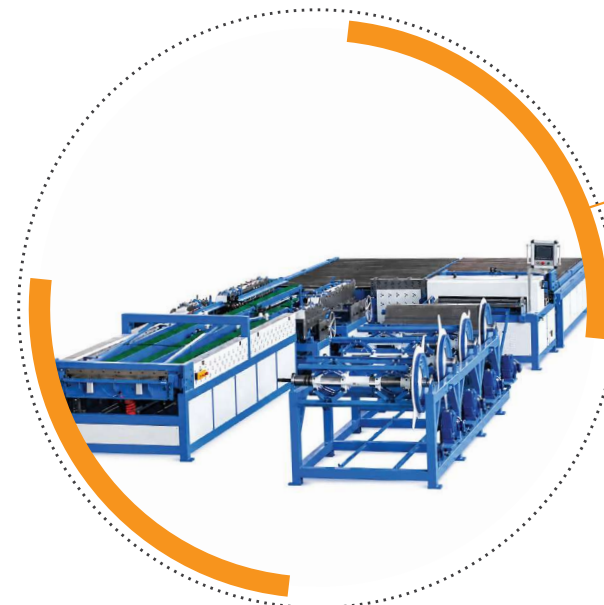
* Quy cách chế tạo chi tiết sẽ được tính toán và điều chỉnh theo yêu cầu cụ thể riêng của mỗi công trình



QUY CÁCH	EI30	EI45	EI60	EI90	EI120
Lớp 1: Ống gió tole mạ kẽm	$\geq 0.75\text{mm}$	$\geq 0.75\text{mm}$	$\geq 0.75\text{mm}$	$\geq 0.75\text{mm}$	$\geq 0.75\text{mm}$
Lớp 2: Tấm bọc chống cháy	MGO 3.0 - 5.0mm/ Thạch cao 9.5mm/ Yêu cầu	MGO 5.0mm/ Thạch cao 12.7mm/ Yêu cầu	MGO 5.0mm/ Thạch cao 15.9mm/ Yêu cầu	MGO 20.0mm/ Yêu cầu	MGO 20.0mm/ Yêu cầu
Ốp góc	Nẹp V40 x 0.75mm	Nẹp V40 x 0.75mm	Nẹp V40 x 0.75mm	Nẹp V40 x 0.75mm	Nẹp V40 x 0.75mm
Ốp đầu ống	Nẹp La 30 x 0.75mm	Nẹp La 30 x 0.75mm	Nẹp La 30 x 0.75mm	Nẹp La 30 x 0.75mm	Nẹp La 30 x 0.75mm

GIA CÔNG & LẮP ĐẶT

Quá trình gia công và lắp đặt được thực hiện đồng bộ nhằm đảm bảo độ chính xác và tính liên tục của hệ thống:



- Sản xuất trực tiếp tại xưởng với hệ thống máy cắt, chấn, ghép hiện đại
- Gia công theo bản vẽ shopdrawing hoặc yêu cầu từ tư vấn/nhà thầu
- Kiểm soát sai số kích thước, đảm bảo độ kín khít cao
- Tối ưu kết cấu đáp ứng tiêu chuẩn chống cháy và thuận tiện thi công



- Lắp đặt đúng tiêu chuẩn hệ thống hút khói, tăng áp & PCCC
- Sử dụng vật tư treo đỡ, phụ kiện chịu nhiệt phù hợp
- Xử lý kín khít tại các vị trí xuyên tường, xuyên sàn, đảm bảo đồng bộ toàn hệ thống

ƯU ĐIỂM CỦA DOSAMEC VỀ ỐNG GIÓ EI



Gia công theo yêu cầu 100% – không giới hạn quy cách



Đảm bảo an toàn cháy nổ – đúng tiêu chuẩn dự án



Độ kín cao, hạn chế rò rỉ khói



Độ bền cao, ổn định trong môi trường nhiệt độ khắc nghiệt



Tối ưu chi phí và tiến độ thi công

TIÊU CHUẨN ÁP DỤNG

Sản phẩm được thiết kế và gia công đáp ứng các yêu cầu phòng cháy chữa cháy theo tiêu chuẩn của dự án, phù hợp với hồ sơ thiết kế và các quy định kỹ thuật hiện hành.

ỨNG DỤNG THỰC TẾ



Hệ thống hút khói tầng hầm



Hệ thống tăng áp cầu thang, Buồng đệm



Nhà máy, Nhà xưởng công nghiệp



Tòa nhà cao tầng, TTTM, bệnh viện

LỜI CẢM ƠN

Kính gửi: Quý khách hàng, quý đối tác

Lời đầu tiên, thay mặt Ban lãnh đạo cùng toàn bộ CBCNV công ty cổ phần Công Nghiệp **DOSAMEC**, xin gửi tới Quý khách hàng, Quý đối tác lời cảm ơn chân thành và sâu sắc nhất. Xin tri ân lòng tin và sự ủng hộ, quan tâm, hợp tác, đồng hành, gắn bó và tin tưởng sử dụng sản phẩm trong suốt thời gian vừa qua.

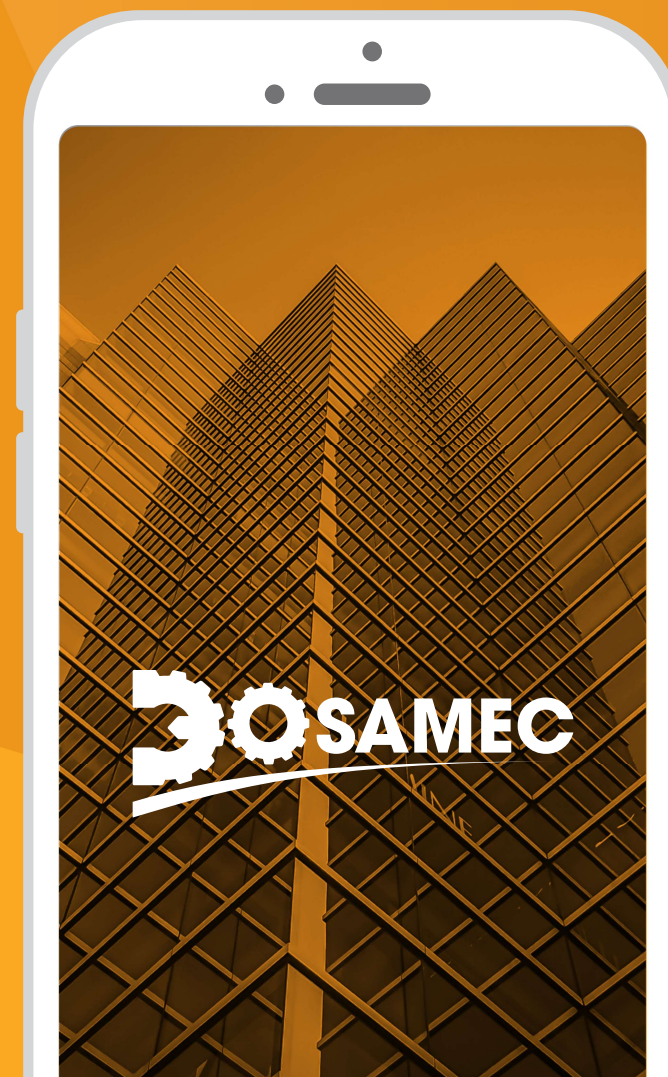
Sự yêu mến và niềm tin của Quý khách hàng, Quý đối tác là niềm tự hào và thành công lớn nhất của chúng tôi trong quá trình phát triển. Để đền đáp lại tấm thiện tình này, chúng tôi sẽ không ngừng nâng cao chất lượng, đa dạng hóa sản phẩm nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng và quý đối tác.

Trong thời gian tới, chúng tôi cam kết sẽ tiếp tục nâng cao chất lượng dịch vụ và sản phẩm để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của Quý khách hàng và Quý đối tác. Chúng tôi mong muốn tiếp tục nhận được sự quan tâm, ủng hộ nhiệt tình và tích cực của Quý khách hàng, Quý đối tác để có thể cùng nhau phát triển bền lâu và vững mạnh.

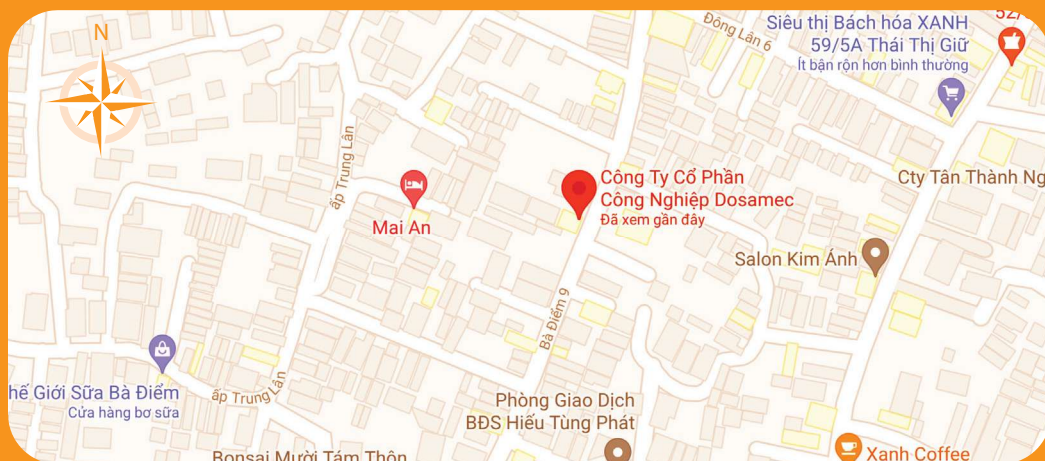
Một lần nữa **DOSAMEC** xin gửi lời cảm ơn chân thành và sự tri ân sâu sắc tới Quý khách hàng của công ty.

Kính chúc Quý khách hàng, Quý đối tác sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Kính thư !



Nhà xưởng DOSAMEC



CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP DOSAMEC

 Hotline: 1800 1165 |  +84 28 64 924 924

 06/3 - 06/3A Huỳnh Tấn Chùa, Xã Bà Điểm, Tp. Hồ Chí Minh

 info@dosamec.com.vn

 www.dosamec.com